

Cho phép chuyển hàng hóa đã nhập khẩu của Cửa hàng miễn thuế vào tiêu thụ trong thị trường nội địa.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Quyết định việc mở Cửa hàng miễn thuế đối với Cửa hàng có vốn đầu tư nước ngoài.

Bộ Tài chính:

- Hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính, kế toán đối với Cửa hàng miễn thuế.

- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thanh quyết toán đối với Cửa hàng miễn thuế.

- Hướng dẫn việc nộp, thu, miễn thuế theo quy định của các Luật thuế đối với Cửa hàng miễn thuế.

- Hướng dẫn chính sách khuyến khích về thuế đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại Cửa hàng miễn thuế.

Tổng cục Hải quan:

- Hướng dẫn thủ tục nhập, tái xuất hàng hóa của Cửa hàng miễn thuế, chuyển hàng của Cửa hàng miễn thuế vào bán ở thị trường nội địa.

- Xác nhận hàng hóa cần thiết phải xử lý, thanh khoản hàng tồn kho, giám sát việc thanh lý, tiêu hủy hàng của Cửa hàng miễn thuế.

- Thực hiện việc áp thuế, tính và thu thuế đối với những hàng hóa nhập khẩu để bán ở Cửa hàng miễn thuế được phép chuyển vào bán ở thị trường nội địa.

Điều 10. Bán hàng tại Cửa hàng miễn thuế

Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế phải bán hàng đúng đối tượng, đúng danh mục và mặt hàng đăng ký kinh doanh, phải thực hiện đúng các quy định bán hàng miễn thuế của Quy chế này.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hàng hóa và chất lượng hàng hóa nhập khẩu để bán tại Cửa hàng miễn thuế.

Điều 12. Báo cáo hoạt động kinh doanh của các Cửa hàng miễn thuế.

Định kỳ sáu tháng và hàng năm, doanh nghiệp kinh doanh Cửa hàng miễn thuế báo cáo hoạt động bán hàng miễn thuế với Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nếu là cửa hàng có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Các vi phạm về việc bán hàng miễn thuế theo quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ có thể bị xử lý tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy chế này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 207/1998/QĐ-TTg ngày 23/10/1998
về việc thành lập Trường Cao đẳng
Sư phạm Bình Định.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 90/CP ngày 24/11/1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình

Định tại Tờ trình số 32/TT-UB ngày 24/6/1998 và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 8069/TCCB ngày 21/9/1998,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Định trên cơ sở Trường Sư phạm Bình Định.

Điều 2. Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Định có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn.

Điều 3. Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Định trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục và đào tạo; được hưởng các chính sách, chế độ do Nhà nước áp dụng cho hệ thống các trường đại học và cao đẳng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 36/1998/CT-TTg ngày 23/10/1998 về kiểm điểm thực hiện Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao.

Nhằm phát triển Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao, theo quy định chung trên phạm vi cả nước, Chính phủ đã có các nghị định ban

hành Quy chế Khu công nghiệp, số 322/HĐBT ngày 18/10/1991, số 192/CP ngày 28/12/1994 và số 36/CP ngày 24/4/1997.

Qua mấy năm xây dựng và phát triển theo Quy chế Khu công nghiệp của Chính phủ, đến nay chúng ta đã tạo được không khí thuận lợi chung trong các ngành, các cấp về nhận thức vai trò phát triển Khu công nghiệp trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta đã hình thành được mạng lưới gồm 60 Khu công nghiệp trong đó có 56 Khu công nghiệp, 3 Khu chế xuất và 1 Khu công nghệ cao, phân bố rộng trên các vùng của đất nước và các Khu công nghiệp đã bắt đầu có đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm (năm 1997 và 9 tháng 1998 đóng góp trên 10% giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu của cả nước, thu hút khoảng 10 vạn lao động). Khu công nghiệp góp phần đô thị hóa vùng nông thôn chậm phát triển, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng; đào tạo cán bộ quản lý và công nhân lành nghề; bảo vệ môi sinh, môi trường và sử dụng đất có hiệu quả hơn.

Tuy đã thu được kết quả bước đầu, nhưng sự phát triển Khu công nghiệp trong thời gian qua chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, công tác quản lý còn nhiều vướng mắc, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa được phát huy đầy đủ, chính sách đặc thù đối với Khu công nghiệp chưa rõ. Công tác vận động thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên có nhiều, trong đó có một nguyên nhân quan trọng là có vướng mắc trong khung pháp lý hiện hành, cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Chính vì vậy, kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa X cuối năm 1997 đã thông qua việc xây dựng Luật Khu công nghiệp, nhằm tạo khung pháp lý cao hơn, điều chỉnh tổng thể hơn, ổn định hơn đối với việc phát triển Khu công nghiệp mà trong thẩm quyền của Chính phủ chưa thực hiện được.

Việc soạn thảo Luật Khu công nghiệp trước hết cần dựa vào tổng kết hoạt động thực tiễn của các